

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày 04-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân

Ông Cao Minh Sơn;

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quang Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Cao Thanh S, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1995, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi thường trú: Ấp T, xã D, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi tạm trú: Nhà trọ S, ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn N và bà Từ Thị T; không có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: 01 tiền sự áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 13/QĐ-TA ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (đã chấp hành xong ngày 06 tháng 4 năm 2023), 01 tiền sự về hành vi đánh bạc theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 168/QĐ-XPHC ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; nhân thân: Ngày 02 tháng 11 năm 2011 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 3947/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (đã xóa), ngày 07 tháng 3 năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 31/2017/HS-ST (đã xóa án tích), ngày 02 tháng 8 năm 2019 bị

áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 15/QĐ-TA của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (đã xóa); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 03 tháng 10 năm 2023 sau đó bị tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Thị Ngọc L, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2002, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi thường trú: Ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi tạm trú: Nhà trọ S, ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh P và bà Trần Thị Bích T; không có chồng, con; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 15 tháng 5 năm 2023 bị Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 71/QĐ-XPHC; nhân thân: ./.; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 03 tháng 10 năm 2023 sau đó bị tạm giam cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L: Ông Phạm Thanh P - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 07 tháng 9 năm 2023, bị cáo Cao Thanh S và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L đến thuê phòng số 10, nhà trọ S thuộc ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để ở trọ. Do có nhu cầu sử dụng ma túy, vào khoảng 17 giờ 45 phút ngày 02 tháng 10 năm 2023, bị cáo Cao Thanh S liên lạc với N (không rõ họ tên, địa chỉ) hỏi mua 02 bịch ma túy đá của N với giá 700.000 đồng. N đồng ý nên bị cáo S hẹn gặp nhau tại khu vực gần cầu L, ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để giao ma túy. Sau khi mua ma túy xong, bị cáo S lấy ma túy đá đem về phòng số 10, nhà trọ S rồi cất giấu toàn bộ ma túy ở dưới nệm của giường ngủ.

Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 03 tháng 10 năm 2023, bị cáo S lấy một ít ma túy đá ra sử dụng, số ma túy đá còn lại bị cáo S cất giấu và đi ra ngoài. Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo L ngủ dậy thấy trong phòng trọ có ma túy còn sót lại trong dụng cụ sử dụng ma túy đá nên tự lấy sử dụng. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo S về phòng trọ số 10 lấy ma túy đá đang cất giấu trong phòng trọ này, chia ra thành 03 (ba) bịch bên trong có chứa ma túy đá trên nệm tặng cho bị cáo L 01 bịch ma túy. Bị cáo L nhận bịch ma túy đá này rồi cất giấu vào bao thuốc lá JET đi bộ ra khu vực phía trước nhà trọ S thì lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Lúc này, lực lượng Công an đến kiểm tra phòng trọ số 10 nhà trọ S thì phát hiện bị cáo S đang cất giấu ma túy đá. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Cao Thanh S và Nguyễn Thị Ngọc L, đồng thời tạm giữ, niêm phong các

đồ vật, tài liệu có liên quan đến ma túy (bút lục số 01 đến 20; 90 đến 103).

Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 03 tháng 10 năm 2023 gồm có: 01 bìch ma túy trong suốt có quần băng keo màu vàng, kích thước 3,3cm x 2,3cm có chứa chất tinh thể rắn ký hiệu là M1 là ma túy của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L (bút lục 21); 01 bìch ma túy trong suốt có viền màu đỏ dạng vuốt khóa miệng, kích thước 4cm x 4cm có chứa chất tinh thể rắn ký hiệu là M2 là ma túy; 01 bìch ma túy trong suốt có viền màu đỏ dạng vuốt khóa miệng, kích thước 4cm x 2,2cm có chứa chất tinh thể rắn ký hiệu là M3 là ma túy; 01 ống thủy tinh không rõ hình dạng, kích thước 15cm x 4cm, ký hiệu là M4 là ma túy của bị cáo Cao Thanh S (bút lục số 23).

Qua kiểm tra chất ma túy trong cơ thể của bị cáo Cao Thanh S và Nguyễn Thị Ngọc L đều dương tính với chất ma túy Methamphetamine (bút lục số 23, 24).

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành trưng cầu giám định chất ma túy tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh. Theo Kết luận giám định số: 734/KL-KTHS ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận:

- Gói 01: Tinh thể rắn chứa trong 01 (một) bìch nylon được niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng: 0,3424 gam.

- Gói 02: Tinh thể rắn chứa trong 01 (một) bìch nylon được niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng: 0,4934 gam.

- Gói 03: Tinh thể rắn chứa trong 01 (một) bìch nylon được niêm phong ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng: 1,1842 gam.

- Gói 04: Tinh thể rắn chứa trong 01 (một) ống thủy tinh được niêm phong ký hiệu M4 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng: 0,0151 gam (từ bút lục số 31 đến 38).

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS-HS ngày 06 tháng 12 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Cao Thanh S và Nguyễn Thị Ngọc L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh quản lý các vật chứng gồm:

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M1, ngày

06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh.

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M2, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh.

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M3, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M4, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh.

- 01 (một) chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có khoét hai lỗ, có gắn một ống nhựa trong suốt.

- 01 (một) bậc lửa màu xanh có chữ BIC, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cuộn băng keo màu vàng đã qua sử dụng.

- 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút), kích thước 8,3 cm x 0,6 cm.

- 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút) hàn kín một đầu, kích thước 03 cm x 0,8 cm.

- 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút), kích thước 21 cm x 0,6 cm.

- 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng.

- 01 (một) bao thuốc lá JET.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu hồng, bị nứt màn hình, số kiểu máy VIVO Y81S, IMEI 1: 861680042173051, IMEI 2: 861680042173044, kèm theo sim số: sim 1 0886132603, sim 2 0567935919, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu xanh đen, kiểu máy CPH1912, IMEI 1: 868683041540935, IMEI 2: 868683041540927, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu vàng, model TA-1376, code 23LYR76VN00, IMEI 1: 359097701492319, IMEI 2: 359097701992318, kèm sim số 0769.348.243, đã qua sử dụng.

Đối với tiền Việt Nam 700.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả tài sản này cho chủ sở hữu là bị cáo Cao Thanh S (bút lục số 85, 89).

Đối với bà Nguyễn Thị U là chủ nhà trọ S: Bà U không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo S và bị cáo L. Tuy nhiên, hành vi để xảy ra hoạt động tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực do bà U quản lý đã vi phạm điểm a, khoản 4, Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh chuyển tài liệu có liên quan đến Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh xử phạt theo quy định pháp luật.

Đối với người đàn ông tên N đã bán ma túy cho bị cáo S không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa, cả bị cáo Cao Thanh S và Nguyễn Thị Ngọc L đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không có ý kiến và khiếu nại về nội dung của Cáo trạng cũng như các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của các cơ quan và người tiến hành tố tụng. Các bị cáo cũng không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Cao Thanh S trình bày: Bị cáo mong được giảm nhẹ hình phạt để trở về với gia đình. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Bị cáo đã ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất để bị cáo sớm về với gia đình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Cao Thanh S và Nguyễn Thị Ngọc L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là đã thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Cao Thanh S từ 02 năm đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2023. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L từ 01 năm đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2023.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M1, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh.

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M2, ngày

06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh.

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M3, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M4, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh.

- 01 (một) chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có khoét hai lỗ, có gắn một ống nhựa trong suốt.

- 01 (một) bậc lửa màu xanh có chữ BIC, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cuộn băng keo màu vàng đã qua sử dụng.

- 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút), kích thước 8,3 cm x 0,6 cm.

- 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút) hàn kín một đầu, kích thước 03 cm x 0,8 cm.

- 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút), kích thước 21 cm x 0,6 cm.

- 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng.

- 01 (một) bao thuốc lá JET.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu vàng, model TA-1376, code 23LYR76VN00, IMEI 1: 359097701492319, IMEI 2: 359097701992318, kèm sim số 0769.348.243, đã qua sử dụng.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L các vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu hồng, bị nứt màn hình, số kiểu máy VIVO Y81S, IMEI 1: 861680042173051, IMEI 2: 861680042173044, kèm theo sim số: sim 1 0886132603, sim 2 0567935919, đã qua sử dụng.

Đề nghị trả cho bị cáo Cao Thanh S các vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu xanh đen, kiểu máy CPH1912, IMEI 1: 868683041540935, IMEI 2: 868683041540927, đã qua sử dụng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến bào chữa tại bản luận cứ như sau: Trợ giúp viên pháp lý thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Trà Vinh. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo thuộc diện nghèo, nhận thức pháp luật thấp, chưa thấy hậu quả pháp lý của hành vi bản thân gây ra.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu VIVO đã thu giữ.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo L do bị cáo thuộc diện nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và nhận thấy các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L cũng đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Căn cứ khoản 1 Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận giám định. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03 tháng 10 năm 2023, tại phòng số 10, nhà trọ S thuộc ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh bị cáo Cao Thanh S và Nguyễn Thị Ngọc L đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là 04 gói ma túy loại Methamphetamine. Trong đó bị cáo Cao Thanh S tàng trữ 03 gói ma túy với tổng khối lượng là 1,6927 gam, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L tàng trữ 01 gói ma túy với khối lượng là 0,3424 gam. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan, không sai.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Cả hai bị cáo đều là người trưởng thành, có đầy đủ năng

lực hành vi, đang trong độ tuổi lao động nhưng không lo chí thú làm ăn, phụ giúp gia đình. Hai bị cáo đều từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là trái pháp luật nhưng do thiếu tu dưỡng bản thân và để thỏa mãn nhu cầu không chính đáng của mình nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách quản lý của nhà nước về các chất ma túy mà còn xâm phạm trật tự, an toàn xã hội của địa phương. Ma túy không chỉ gây tổn hại đến sức khỏe, tiền bạc của người sử dụng mà còn là nguồn cơn gây nên các loại tội phạm khác như trộm, cướp, gây rối trật tự công cộng... và là một trong những con đường dẫn đến căn bệnh HIV/AIDS. Do đó cần phải xem xét cho các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng cho các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức để răn đe, giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên cũng cần xem xét về nhân thân của bị cáo Cao Thanh S là không tốt so với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L. Số lượng ma túy bị cáo L tàng trữ là do bị cáo S mua về tặng cho lại. Do đó cần xem xét bị cáo S mức án cao hơn bị cáo L như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền Việt Nam 700.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh đã làm rõ không liên quan đến hành vi phạm tội nên đã xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Cao Thanh S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với vật chứng gồm: 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M1, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M2, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M3, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M4, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; 01 (một) chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có khoét hai lỗ, có gắn một ống nhựa trong suốt; 01 (một) bậc lửa màu

xanh có chữ BIC, đã qua sử dụng; 01 (một) cái kéo bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 (một) cuộn băng keo màu vàng đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút), kích thước 8,3 cm x 0,6 cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút) hàn kín một đầu, kích thước 03 cm x 0,8 cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút), kích thước 21 cm x 0,6 cm; 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng; 01 (một) bao thuốc lá JET cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với các vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu hồng, bị nứt màn hình, số kiểu máy VIVO Y81S, IMEI 1: 861680042173051, IMEI 2: 861680042173044, kèm theo sim số: sim 1 0886132603, sim 2 0567935919, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu xanh đen, kiểu máy CPH1912, IMEI 1: 868683041540935, IMEI 2: 868683041540927, đã qua sử dụng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo. Đối với vật chứng là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu vàng, model TA-1376, code 23LYR76VN00, IMEI 1: 359097701492319, IMEI 2: 359097701992318, kèm sim số 0769.348.243, đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với bà Nguyễn Thị U là chủ nhà trọ S. Bà U không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo S và bị cáo L. Tuy nhiên, hành vi để xảy ra hoạt động tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực do bà U quản lý đã vi phạm điểm a, khoản 4, Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh chuyển tài liệu có liên quan đến Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh xử phạt theo quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với người đàn ông tên N đã bán ma túy cho bị cáo S không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

[13] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án cũng như tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên có cơ sở để chấp nhận.

[14] Đối với quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ là bản thân bị cáo thuộc diện nghèo, nhận thức pháp luật thấp, chưa thấy hậu quả pháp lý của hành vi bản thân gây ra theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và đề nghị miễn án phí cho bị cáo L do bị cáo thuộc diện nghèo là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ hành vi phạm tội của bị cáo L không phải do hoàn cảnh khó khăn gây ra. Bị cáo L cũng nhận thức rõ hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Mặt khác, căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo không được miễn án phí. Đối với các quan điểm bào chữa còn lại của Trợ giúp viên pháp lý là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Cao Thanh S và Nguyễn Thị Ngọc L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Cao Thanh S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2023.

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M1, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M2, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M3, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn M, Lưu Thanh D, có dán giấy niêm phong số 734/M4, ngày 06/10/2023, cùng dấu mộc tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh; 01 (một) chai nhựa có nắp màu đỏ, trên nắp có khoét hai lỗ, có gắn một ống nhựa trong suốt; 01 (một) bậc lửa màu xanh có chữ BIC, đã qua sử dụng; 01 (một) cái kéo bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 (một) cuộn băng keo màu vàng đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút), kích thước 8,3 cm x 0,6 cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút) hàn kín một đầu, kích thước 03 cm x 0,8 cm; 01 (một) đoạn ống nhựa trong suốt (dạng ống hút),

kích thước 21 cm x 0,6 cm; 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng; 01 (một) bao thuốc lá JET.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu hồng, bị nứt màn hình, số kiểu máy VIVO Y81S, IMEI 1: 861680042173051, IMEI 2: 861680042173044, kèm theo sim số: sim 1 0886132603, sim 2 0567935919, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Cao Thanh S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5S, màu xanh đen, kiểu máy CPH1912, IMEI 1: 868683041540935, IMEI 2: 868683041540927, đã qua sử dụng.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu vàng, model TA-1376, code 23LYR76VN00, IMEI 1: 359097701492319, IMEI 2: 359097701992318, kèm sim số 0769.348.243, đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo Cao Thanh S và Nguyễn Thị Ngọc L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thành phố Trà Vinh;
- CQĐT thành phố Trà Vinh;
- CQ THAHS thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa